



Tờ thông tin kỹ thuật sản phẩm

Shell Industrial Grease EP2

Mỡ bôi trơn đa dụng chịu cực áp EP

- Bảo vệ tin cậy
- Kháng nước

DESIGNED TO MEET CHALLENGES

Các tính năng & lợi ích

▪ Khả năng mang tải

Chứa phụ gia cực áp EP để chịu tải trọng nặng trong các ứng dụng công nghiệp.

▪ Độ ổn định cơ học

Sử dụng công nghệ chất làm đặc mới mang đến độ ổn định cơ học tương đối tốt.

▪ Bảo vệ khỏi ăn mòn

Khả năng bảo vệ bề mặt ổ đỡ khỏi ăn mòn.

Các ứng dụng chính



- Các ứng dụng công nghiệp và ô tô thông dụng
- Ổ trượt và ổ bi vận hành trong điều kiện khắc nghiệt và môi trường ẩm ướt.
- Các ứng dụng trong các ngành xây dựng, xi măng, thép và sản xuất.

Các tiêu chuẩn kỹ thuật, chấp thuận & khuyến nghị

Để có danh mục đầy đủ các khuyến cáo và chấp thuận, có thể tham khảo Bộ phận Kỹ thuật Shell.

Các tính chất vật lý điển hình

Tính chất	Phương pháp	Shell Industrial Grease EP2
NLGI		2
Màu sắc		Nâu nhạt
Dầu gốc		Dầu gốc khoáng
Độ nhớt động học @40°C cSt	IP 71 / ASTM D445	150
Độ xuyên kim, sau giặt @25°C 0.1mm	IP 50 / ASTM D217	265 - 295
Ăn mòn đồng 24h @ 100°C	ASTM D4048	1b

Các tính chất này đặc trưng cho sản phẩm hiện hành. Những sản phẩm trong tương lai của Shell có thể thay đổi chút ít cho phù hợp theo quy cách mới của Shell.

Sức khỏe, An toàn & Môi trường

▪ Sức khỏe và An toàn

Mỡ Shell Industrial EP không gây bất cứ nguy hại nào đáng kể cho sức khỏe và an toàn khi sử dụng đúng theo khuyến cáo, tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp và cá nhân.

Tránh tiếp xúc với da. Dùng găng tay không thấm đối với dầu đã qua sử dụng. Nếu tiếp xúc với da, rửa ngay lập tức bằng xà phòng và nước.

Để có thêm hướng dẫn về sức khỏe và an toàn, tham khảo thêm Bản dữ liệu an toàn sản phẩm tương ứng từ <http://www.epc.shell.com>

▪ Bảo vệ môi trường

Tập trung dầu đã qua sử dụng đến điểm thu gom quy định. Không thải ra cống rãnh, mặt đất hay nguồn nước.

Thông tin bổ sung

▪ Tư vấn

Tham khảo Đại diện Shell về các ứng dụng không được đề cập tại đây.